

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

CHƯƠNG TRÌNH : Lãnh đạo toàn cầu

NGÀNH : Quốc tế học

MÃ SỐ : 8310601

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-ĐHVN ngày 03 tháng 09 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Nhật)

1. Thông tin chung

Tên chương trình	
- Tiếng Việt:	Lãnh đạo toàn cầu
- Tiếng Anh:	Global Leadership
Tên ngành	
- Tiếng Việt:	Quốc tế học
- Tiếng Anh:	International Studies
Mã số ngành	8310601
Danh hiệu tốt nghiệp	Thạc sĩ
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Anh
Thời gian đào tạo chuẩn	02 năm
Tên văn bằng tốt nghiệp (* Là thông tin hiển thị trên văn bằng tốt nghiệp theo quy định hiện hành của ĐHQGHN tại thời điểm tốt nghiệp)	
- Tiếng Việt:	Bằng thạc sĩ ngành: Quốc tế học, Chương trình đào tạo: Lãnh đạo toàn cầu.
- Tiếng Anh:	Master's Degree, Major: International Studies, Training Program: Global Leadership
Định hướng đào tạo	Nghiên cứu
Đơn vị tổ chức đào tạo	Khoa Khoa học Xã hội liên ngành (FISS), Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Lãnh đạo toàn cầu (ngành Quốc tế học) hướng tới đào tạo các chuyên gia, nhà nghiên cứu và nhà lãnh đạo tương lai có trình độ cao, có kiến thức liên ngành về Quốc tế học, tư duy toàn cầu, tư duy phản biện và tư duy hệ thống, cùng năng lực nghiên cứu, lãnh đạo và giao tiếp liên văn hóa để phân tích và giải quyết các vấn

đề quốc tế và toàn cầu, đánh giá các cơ hội và thách thức trong bối cảnh biến động, đề xuất các chính sách và giải pháp dựa trên bằng chứng, đồng thời dẫn dắt và thúc đẩy các hoạt động hợp tác vì phát triển bền vững. Chương trình nhấn mạnh khả năng kết nối các vấn đề toàn cầu với thực tiễn địa phương và vận dụng triết lý “*Tư duy toàn cầu, hành động địa phương*” trong các bối cảnh địa phương, quốc gia, khu vực và quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo thạc sĩ Lãnh đạo toàn cầu hướng đến giúp người học sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- PO1 (Kiến thức liên ngành và tư duy toàn cầu – địa phương): vận dụng các khái niệm, lý thuyết và phương pháp tiếp cận liên ngành của Quốc tế học và Lãnh đạo toàn cầu để phân tích các vấn đề quốc tế và toàn cầu, đánh giá các xu hướng đương đại và mối quan hệ giữa các vấn đề toàn cầu với thực tiễn địa phương, trên cơ sở vận dụng cách tiếp cận “*Tư duy toàn cầu, hành động địa phương*”.
- PO2 (Nghiên cứu, phân tích và ra quyết định dựa trên bằng chứng): xác định vấn đề và câu hỏi nghiên cứu, lựa chọn và vận dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp để thu thập, xử lý và phân tích thông tin, dữ liệu; đánh giá và lập luận dựa trên bằng chứng để đề xuất các giải pháp hoặc khuyến nghị phù hợp với các bối cảnh quốc tế, toàn cầu và địa phương.
- PO3 (Lãnh đạo toàn cầu và hợp tác liên văn hóa): giao tiếp, đàm phán, ra quyết định và điều phối các hoạt động hợp tác; làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và vận dụng năng lực lãnh đạo để thúc đẩy đồng thuận, giải quyết khác biệt và đạt mục tiêu chung trong các bối cảnh quốc tế và toàn cầu.
- PO4 (Đạo đức, trách nhiệm và học tập suốt đời): thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu và công việc; tuân thủ đạo đức học thuật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; tôn trọng sự đa dạng văn hóa, chủ động cập nhật tri thức và phát triển năng lực chuyên môn để thích ứng với môi trường quốc tế và tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

- PLO1: Vận dụng được các khái niệm, lý thuyết và cách tiếp cận liên ngành của Quốc tế học và Lãnh đạo toàn cầu để nhận diện các vấn đề quốc tế và toàn cầu;
- PLO2: Phân tích và đánh giá được các vấn đề và xu hướng quốc tế, toàn cầu đương đại dựa trên các khung lý thuyết và tri thức phù hợp của Quốc tế học và Lãnh đạo toàn cầu;
- PLO3: Phân tích và đánh giá được mối quan hệ giữa các vấn đề toàn cầu và thực tiễn địa phương, vận dụng cách tiếp cận “*Tư duy toàn cầu, hành động địa phương*” để đề xuất các giải pháp phù hợp với bối cảnh và hướng tới phát triển bền vững.

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- PLO4: Thực hiện được nghiên cứu độc lập về các vấn đề quốc tế và toàn cầu thông qua việc xác định câu hỏi nghiên cứu, lựa chọn và vận dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp, sử dụng công cụ số để thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, và trình bày kết quả nghiên cứu dựa trên bằng chứng khoa học;

- PLO5: Vận dụng được tư duy phản biện và tư duy hệ thống để ra quyết định, giải quyết vấn đề và dẫn dắt, điều phối hoạt động trong các tình huống liên quan đến lãnh đạo toàn cầu;
- PLO6: Giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong môi trường đa văn hóa bằng tiếng Anh và tiếng Nhật, thể hiện khả năng trao đổi, thuyết phục và giải quyết khác biệt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chung. Đạt trình độ tiếng Anh Bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO7: Chủ động lập kế hoạch, thực hiện và chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng của hoạt động học tập và nghiên cứu; tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức học thuật và trách nhiệm xã hội;
- PLO8: Làm việc độc lập và phối hợp hiệu quả trong nhóm; ra quyết định, giải trình và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ và kết quả công việc; tôn trọng sự khác biệt văn hóa trong môi trường quốc tế và đa văn hóa;
- PLO9: Chủ động cập nhật tri thức và phát triển năng lực chuyên môn, thích ứng với những thay đổi trong môi trường quốc tế và duy trì năng lực tự học và sẵn sàng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

3.4. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Lãnh đạo, quản lý và điều hành: đảm nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý hoặc chuyên viên tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức trong nước, quốc tế;

- Hoạch định chính sách, tư vấn và hợp tác quốc tế: làm chuyên gia, chuyên viên về hoạch định, phân tích, tư vấn và phản biện chính sách; quản lý dự án, hợp tác quốc tế, phát triển quốc tế, đối ngoại và phát triển bền vững tại các bộ, ngành, địa phương, tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ, tổ chức phi chính phủ, viện nghiên cứu, tổ chức tư vấn chính sách và doanh nghiệp;

- Nghiên cứu và giảng dạy: làm giảng viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu trong lĩnh vực quốc tế học, lãnh đạo và quản trị, quan hệ quốc tế, phát triển quốc tế và các ngành khoa học xã hội liên quan;

- Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo: tham gia sáng lập, quản lý hoặc điều hành doanh nghiệp, doanh nghiệp xã hội và các sáng kiến đổi mới sáng tạo; phát triển mô hình hợp tác và giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sĩ Lãnh đạo toàn cầu, người học có khả năng tự học, học tập suốt đời, cập nhật tri thức và phát triển kỹ năng chuyên môn nhằm thích ứng với sự thay đổi của môi trường quốc tế và yêu cầu của hoạt động lãnh đạo, quản trị, hoạch định chính sách và hợp tác quốc tế.

- Người học có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ trong các lĩnh vực quan hệ quốc tế, quốc tế học, lãnh đạo và quản trị, phát triển quốc tế, khoa học chính trị,

phát triển bền vững và các ngành khoa học xã hội liên quan tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài, đặc biệt là các trường đại học của Nhật Bản; đồng thời có năng lực tham gia giảng dạy, nghiên cứu và thực hiện các dự án hợp tác học thuật trong nước và quốc tế.

4. Chuẩn đầu vào

4.1. Đối tượng tuyển sinh

Chương trình Thạc sĩ Lãnh đạo toàn cầu tuyển sinh các ngành phù hợp cần bổ sung kiến thức bao gồm: Khoa học chính trị (73102), Quốc tế học (7310601); Đông phương học (7310608), Chính sách công, Quản trị công/kinh tế, Quản lý giáo dục (7140114). Các ngành có tính liên ngành cao, các ngành do nước ngoài cấp mà không trùng với mã của các ngành đã liệt kê, các ngành chưa có trong danh mục đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư Số: 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022) sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định.

Bổ sung kiến thức:

Ứng viên tốt nghiệp các ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức ở trên cần học bổ sung các học phần sau:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Nhập môn Khoa học chính trị (Introduction to Political Science)	3
2	Nhập môn Quan hệ quốc tế (Introduction to International Relations)	3
3	Nhập môn Kinh tế học (Introduction to Economics)	3
	Tổng số tín chỉ	9

Ghi chú: Nếu người dự tuyển đã hoàn thành các học phần nêu trên hoặc học phần tương đương trong chương trình đào tạo bậc đại học thì được miễn bổ sung kiến thức đối với các học phần tương ứng.

4.2. Yêu cầu đầu vào

Thí sinh dự tuyển vào Chương trình Thạc sĩ Lãnh đạo toàn cầu phải đáp ứng các quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Việt Nhật, cụ thể:

- Yêu cầu về văn bằng: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp theo quy định tại mục 4.1.

- Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ: Đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ đầu vào theo quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội đối với chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Anh.

- Yêu cầu khác: Đáp ứng các điều kiện về hồ sơ, lý lịch và các yêu cầu khác theo quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Việt Nhật và các quy định pháp luật có liên quan.

4.3. Phương thức và quy mô tuyển sinh

Phương thức và quy mô tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và Đề án tuyển sinh sau đại học được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt, hướng dẫn tuyển sinh hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội, và kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Việt Nhật.

Chỉ tiêu tuyển sinh: 15 người/khóa (năm 2026); các năm tiếp theo được xác định căn cứ vào điều kiện bảo đảm chất lượng, năng lực đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh được giao.

5. Phương pháp giảng dạy và đánh giá

5.1. Phương pháp giảng dạy

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Lãnh đạo toàn cầu áp dụng phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm, kết hợp giữa phát triển kiến thức liên ngành, năng lực nghiên cứu, năng lực lãnh đạo, giao tiếp liên văn hóa và mức độ tự chủ, trách nhiệm. Các học phần được thiết kế theo nguyên tắc tương thích đồng kiến tạo (constructive alignment), bảo đảm sự thống nhất giữa chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá.

Hoạt động giảng dạy được triển khai với sự tham gia của đội ngũ giảng viên Trường Đại học Việt Nhật, các giáo sư và chuyên gia từ các trường đại học đối tác Nhật Bản, đặc biệt là Đại học Waseda, cùng các chuyên gia từ cơ quan quản lý, tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu và doanh nghiệp. Sự kết hợp giữa nguồn lực học thuật của VJU và mạng lưới đối tác quốc tế góp phần tạo dựng môi trường đào tạo quốc tế, tăng cường tính liên ngành, tính thực tiễn và định hướng Nhật Bản – quốc tế của chương trình.

Chương trình kết hợp các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp với đặc thù của từng học phần, bao gồm: giảng dạy trực tiếp và bài giảng chuyên đề; học tập dựa trên tình huống và vấn đề (Case-Based and Problem-Based Learning); seminar và thảo luận học thuật; học tập dựa trên nghiên cứu (Research-Based Learning); học tập trải nghiệm và thực tập nghiên cứu; học tập hợp tác trong môi trường đa văn hóa; và học tập độc lập có hướng dẫn. Các hoạt động học tập chú trọng phân tích các vấn đề thực tiễn về chính trị, an ninh, kinh tế, văn hóa – xã hội và quan hệ quốc tế; phát triển tư duy phản biện, tư duy hệ thống, năng lực lãnh đạo, ra quyết định, giải quyết vấn đề và hợp tác trong môi trường đa văn hóa.

Kế hoạch dạy – học được tổ chức theo tiến trình từ kiến thức chung và cơ sở đến kiến thức chuyên ngành theo các trụ cột Chính trị và An ninh, Kinh tế, Văn hóa – Xã hội; tiếp đến là các học phần phương pháp nghiên cứu, chuyên đề nghiên cứu, thực tập nghiên cứu và luận văn thạc sĩ. Hoạt động đào tạo được triển khai bằng tiếng Anh trong môi trường quốc tế, tạo điều kiện để người học phát triển năng lực giao tiếp học thuật, hợp tác liên văn hóa và chuẩn bị cho việc tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

5.2. Phương pháp đánh giá

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo nguyên tắc đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra học phần, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá. Chương trình kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, sử dụng các phương pháp phù hợp với đặc điểm và yêu cầu của từng học phần.

Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra, bài tập cá nhân và nhóm, bài đọc và phản biện, phân tích tình huống, tiểu luận, báo cáo và thuyết trình, seminar, dự án, mô phỏng và đóng vai, đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá, thực tập nghiên cứu và luận văn thạc sĩ. Đối với các học phần nghiên cứu, người học được đánh giá về khả năng xác định vấn đề, tổng quan và đánh giá tài liệu, thiết kế và triển khai nghiên cứu, phân tích và biện

luyện kết quả, trình bày và bảo vệ sản phẩm nghiên cứu, đồng thời tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức nghiên cứu và liêm chính học thuật. Đối với các hoạt động phát triển năng lực lãnh đạo, làm việc nhóm và giao tiếp liên văn hóa, việc đánh giá chú trọng khả năng phân tích vấn đề, ra quyết định, điều phối, giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề trong các bối cảnh quốc tế và đa văn hóa. Kết quả thực tập nghiên cứu được đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm theo các tiêu chí phù hợp.

Việc đánh giá được thực hiện công khai, minh bạch và khách quan trên cơ sở các tiêu chí đánh giá phù hợp, được công bố cho người học. Kết quả đánh giá được đối chiếu với các chuẩn đầu ra tương ứng để xác định mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và chương trình đào tạo, đồng thời được sử dụng làm cơ sở cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy và chương trình đào tạo theo chu trình cải tiến chất lượng.

6. Khối lượng chương trình đào tạo

- Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	62 tín chỉ
- Khối kiến thức chung (bắt buộc)	09 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	25 tín chỉ
+ Bắt buộc	16 tín chỉ
+ Tự chọn	09 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học	28 tín chỉ
+ Chuyên đề nghiên cứu	16 tín chỉ
+ Bắt buộc	13 tín chỉ
+ Tự chọn	03 tín chỉ
+ Luận văn thạc sĩ	12 tín chỉ

7. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

STT No.	Mã học phần Subject code	Tên học phần Subjects	Số tín chỉ Credits	Số giờ học tập Studying hours			Học phần tiền quyết Pre- requisite
				Lý thuyết Lecture (1)	Thực hành Practice (2)	Tự học Self study (3)	
I	Khối kiến thức chung General knowledge block		9				
1	PHI5002	Triết học Philosophy	4	40	40	120	
2	ENG5001	Tiếng Anh B2 (SĐH) English B2 (Postgraduate)	5	75	0	175	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành Foundational knowledge block		25				
II.1	Các học phần bắt buộc Compulsory subjects		16				
3	VJU6032	Cơ sở khoa học bền vững	3	40	10	100	

STT No.	Mã học phần Subject code	Tên học phần Subjects	Số tín chỉ Credits	Số giờ học tập Studying hours			Học phần tiền quyết Pre- requisite
				Lý thuyết Lecture (1)	Thực hành Practice (2)	Tự học Self study (3)	
		<i>Basic of Sustainability Science</i>					
4	VJU6031	Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm trong Khoa học xã hội và Nhân văn <i>Responsible Data Science and Artificial Intelligence in the Social Sciences and Humanities</i>	2	28	4	68	
5	MGL6033	Nhập môn lãnh đạo chính trị <i>Introduction to Political Leadership</i>	3	42	6	102	
6	MGL6034	Nhập môn lãnh đạo toàn cầu <i>Introduction to Global Leadership</i>	3	42	6	102	
7	MGL6052	Cơ sở quan hệ quốc tế <i>Foundation of International Relations</i>	3	36	18	96	
	<i>Học viên lựa chọn một trong hai học phần tiếng Nhật**</i> <i>Students choose one of the two Japanese language courses**</i>		2/4				
8	VJU5006	Tiếng Nhật sơ cấp <i>Japanese Language Beginner</i>	2	15	30	55	
9	VJU5010	Tiếng Nhật nâng cao <i>Japanese Language Upper</i>	2	20	20	60	
II.2	<i>Các học phần tự chọn (học viên chọn đủ số tín chỉ quy định trong 03 trụ cột)</i> <i>Elective subjects (students take the required credits from the three pillars)</i>		9				
II.2.1.	<i>Trụ cột Chính trị và An ninh</i> <i>Politics and security pillar</i>		3/15				
10	MGL6035	Quản trị toàn cầu và thể chế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hoá <i>Global Governance and International Institutions in a globalizing era</i>	3	36	18	96	MGL6034
11	MGL6036	Truyền thông và chính trị <i>Media and Politics</i>	3	36	18	96	
12	MGL6037	Lý thuyết chính trị quốc tế <i>Theories of International Politics</i>	3	36	18	96	
13	MGL6038	An ninh quốc tế <i>International Security</i>	3	36	18	96	
14	MGL6039	Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương <i>International Relations in the Asia - Pacific Region</i>	3	36	18	96	
II.2.2.	<i>Trụ cột Kinh tế</i> <i>Economics Pillar</i>		3/18				
15	MGL6040	Kinh tế phát triển <i>Development Economics</i>	3	36	18	96	
16	MGL6041	Kinh tế học bền vững và tăng trưởng xanh	3	36	18	96	

STT No.	Mã học phần Subject code	Tên học phần Subjects	Số tín chỉ Credits	Số giờ học tập Studying hours			Học phần tiền quyết Pre- requisite
				Lý thuyết Lecture (1)	Thực hành Practice (2)	Tự học Self study (3)	
		<i>Sustainable Economics and Green Growth</i>					
17	MGL6042	Kinh tế học đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số <i>Innovation economics and Digital transformation</i>	3	36	18	96	
18	MGL6043	Giao tiếp liên văn hoá trong kinh doanh toàn cầu <i>Intercultural communication for global business</i>	3	36	18	96	
19	MGL6044	Nghiên cứu kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương <i>Asia – Pacific Economic Studies</i>	3	36	18	96	
20	MGL6045	Chiến lược quốc gia và quản lý sự thay đổi <i>National Strategy and Change Management</i>	3	36	18	96	
II.2.3	<i>Trụ cột Văn hóa - Xã hội Culture and Society Pillar</i>		3/18				
21	MGL6046	Nhân học văn hoá <i>Cultural Anthropology</i>	3	36	18	96	
22	MGL6047	Xã hội học toàn cầu <i>Global Sociology</i>	3	36	18	96	
23	MGL6048	Văn hoá chính trị Đông Á <i>East Asian Political Culture</i>	3	36	18	96	
24	MGL6049	Giới và phát triển toàn cầu <i>Gender and Global Development</i>	3	36	18	96	
25	MGL6050	Phát triển con người và mục tiêu phát triển bền vững <i>Human Development and Sustainable Development Goals</i>	3	36	18	96	
26	MGL6051	Di cư, dịch chuyển và cộng đồng toàn cầu <i>Migration, Mobility and Global Communities</i>	3	36	18	96	
III.	Khối nghiên cứu khoa học Scientific research block		28				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu Research and project topics		16				
	<i>Các học phần bắt buộc Compulsory subjects</i>		13				
27	VJU7202	Tiếng Anh học thuật và kỹ năng nghiên cứu <i>Academic English and Research Skills</i>	2	26	8	66	
28	MGL6098	Chuyên đề nghiên cứu I <i>Research Seminars I</i>	2	20	20	60	VJU7202 VJU7204
29	MGL6099	Chuyên đề nghiên cứu II	2	20	20	60	VJU7202

STT No.	Mã học phần Subject code	Tên học phần Subjects	Số tín chỉ Credits	Số giờ học tập Studying hours			Học phần tiền quyết Pre- requisite
				Lý thuyết Lecture (1)	Thực hành Practice (2)	Tự học Self study (3)	
		Research Seminars II					VJU7204
30	VJU7204	Phương pháp nghiên cứu Research Methodology	3	39	12	99	
31	MGL6101	Thực tập nghiên cứu Research Internship	4	30	60	110	VJU7202 VJU7204
	Các học phần tự chọn Elective subjects		3/6				
32	VJU6002	Phương pháp luận và hệ thống thông tin cho khoa học bền vững Methodology and Informatics for Sustainable Science	3	30	30	90	VJU6032
33	MGL6102	Thống kê và nghiên cứu định lượng Statistics and quantitative research	3	39	12	99	
III.2	Luận văn thạc sĩ Master's thesis		12				
34	MGL7200	Luận văn thạc sĩ Master's Thesis	12	0	360	240	
	Tổng số tín chỉ Total number of credits		62				

Ghi chú:

Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết (2): Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập (3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá.

* Học phần Tiếng Anh B2 (SDH) là học phần điều kiện, có khối lượng 5 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần Tiếng Anh B2 (SDH) không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo.

** Đối với các học phần tiếng Nhật, không tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực đầu vào.

- Học viên không có chứng chỉ tiếng Nhật tương đương JLPT-N3 trở lên bắt buộc phải đăng ký học học phần Tiếng Nhật sơ cấp (VJU5006).
- Học viên có chứng chỉ tương đương JLPT-N3 trở lên hoặc là người Nhật (người có ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng Nhật) được miễn học VJU5006 nhưng phải tham gia kỳ thi theo quy định để được công nhận kết quả học tập.
- Học viên có chứng chỉ tương đương JLPT-N2 trở lên hoặc là người Nhật (người có ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng Nhật) được lựa chọn (1) miễn học VJU5006 và tham gia kỳ thi theo quy định, hoặc (2) đăng ký học học phần Tiếng Nhật nâng cao (VJU5010) và tham gia học, thi theo quy định của học phần.